**MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2022- 2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/**  **Mức độ nhận thức** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng sáng tạo** |
| Vùng Đông Nam Bộ. | Biết các đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế và xã hội của vùng. |  |  |  |
| 20%TSĐ=2điểm | TN:4câu:2điểm |  |  |  |
| Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  | Phân tích được những mặt thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đến sự phát triển kinh tế của vùng. |  |  |
| 20%TSĐ=2điểm |  | TL:1câu:2điểm |  |  |
| Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo. | - Biết các đảo và quần đảo lớn trong vùng biển nước ta.  - Xác định được chủ quyền biển đảo của nước ta - Trình bày sự phát triển tổng hợp kinh tế biển. | Giải thích vai trò tài nguyên biển nước ta trong sự phát triển kinh tế. |  |  |
| 30%TSĐ=3điểm | TL:1/2câu:1điểm TN:2câu:1điểm | TL:1/2câu:1điểm |  |  |
| Địa lí tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu |  |  | Vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. | Nhận xét biểu đồ. |
| 30%TSĐ=3điểm |  |  | TL:1/2câu:2điểm | TL:1/2câu:1điểm |
| **TSĐ 10**  **Tổng số câu 10** | 40%TSĐ= 4 điểm | 30%TSĐ=3điểm | 20%TSĐ=2điểm | 10%TSĐ=1điểm |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN LONG ĐIỀN** ĐỀ THAM KHẢO | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **Năm học: 2022 - 2023**  **MÔN : ĐỊA LÍ 9**  ***Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)*** |

**I.TRẮC NGHIỆM: 3 điểm**

**Chọn câu trả lời đúng nhất.**

**Câu 1.** Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

A. Móng Cái đến Vũng Tàu.

B. Móng Cái đến Hà Tiên.

C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên.

D. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau.

**Câu 2.** Vùng kinh tế nào thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

A. Bạch Long Vĩ

B. Phú Quý

C. Lí Sơn

D. Phú Quốc.

**Câu 4.** Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh **không** phải do có

A. vị trí địa lí thuận lợi. C. nguồn nhân công có kĩ thuật, lành nghề.

B. cơ sở hạ tầng phát triển. D. nhiều di sản văn hóa thế giới .

**Câu 5.** Cây công nghiệp nào sau đây có diện tích lớn nhất Đông Nam Bộ?

A. Cà phê. C. Dừa.

B. Cao su. D. Chè.

**Câu 6.** Tài nguyên khoáng sản nào sau đây có ý nghĩa quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ?

A. Dầu mỏ, khí tự nhiên. C. Bôxit, vàng.

B. Sắt, than đá. D. Đá vôi, tiatan.

**II. TỰ LUẬN: 7 điểm**

**Câu 7**: (2 điểm) Ngành thủy sản là một trong những thế mạnh kinh tế của đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có những thuận lợi gì về mặt tự nhiên để phát triển ngành thủy sản?

**Câu 8**: (2 điểm) Hiện nay nước ta đang phát triển những ngành kinh tế biển nào? Vì sao nước ta cần phải ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ?

**Câu 9**: (3 điểm) Quan sát bảng số cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đơn vị %).

|  |  |
| --- | --- |
| **Các ngành kinh tế** | **Năm 2020** |
| Nông, lâm, ngư nghiệp | 14 |
| Công nghiệp - xây dựng | 40 |
| Dịch vụ | 46 |

a/ Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2020?

b/ Từ biểu đồ đã vẽ, em hãy nhận xét cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu?

HẾT

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM: 3 điểm**

( mỗi câu 0,5 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | C | D | D | B | A |

**II. TỰ LUẬN: 7 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| Câu 7:  (2 điểm) | - Có vùng biển rộng và ấm, hải sản phong phú, ngư trường lớn (Kiên Giang - Minh Hải).  - Rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau, đồng ruộng chiếm diện tích lớn.  - Có hệ thống sông Mê Kông, kênh rạch chằng chịt.  - Nhiều đảo và quần đảo, cồn ven biển lớn.  - Lũ hằng năm ở sông Mê kông đem lại nguồn lợi thủy sản tự nhiên lớn | 0,5  0,5  0,5  0,25  0,25 |
| Câu 8:  (2 điểm) | - Các ngành kinh tế biển: Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản; khai thác và chế biến khoáng sản biển; du lịch biển - đảo; giao thông vận tải biển.  - Vì:  + Nguồn lợi hải sản ven bờ của nước ta hiện nay đang giảm sút, một phần do khai thác quá mức cho phép. Trong khi đó sản lượng thủy sản xa bờ khai thác được mới chỉ đạt 1/5 khả năng cho phép.  + Khai thác hải sản xa bờ đem lại nguồn lợi hải sản lớn cho người dân đồng thời góp phần giữ vững chủ quyền biển đảo của tổ quốc. | 1  0,5  0,5 |
| Câu 9:  (3 điểm) | a/ Vẽ biểu đồ hình tròn ( chú thích, tên biểu đồ, vẽ chính xác ). b/ Ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất (14%), ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm tỉ trọng cao. Trong đó ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất (46%). | 2  1 |